

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	Dự toán	NỘI DUNG CHI	Dự toán
TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	648.367	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	648.367
I. Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp	513.008	I. Tổng chi cân đối ngân sách phường	513.008
Thu ngân sách phường hưởng 100%	125.559	Chi đầu tư phát triển	269.840
Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia	387.449	Chi thường xuyên	227.187
II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.359	Dự phòng ngân sách	15.981
Thu bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố	0	II. Chi mục tiêu từ NS TP	135.359
Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách Thành phố	135.359		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: Nghìn đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	
		TỔNG THU NSNN	THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG HƯỞNG ĐIỀU TIẾT
A	B	1	2
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.489.392	513.008
1	Khu vực DNNN do Trung ương, địa phương quản lý, khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		
2	Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	544.550	175.147
-	Thuế giá trị gia tăng	353.200	113.024
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	190	61
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.850	60.752
-	Thuế tài nguyên	1.310	1.310
3	Lệ phí trước bạ	126.840	64.226
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	34.760	34.760
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy.	92.080	29.466
4	Thuế bảo vệ môi trường	-	
5	Thu tiền sử dụng đất nông nghiệp		
6	Thu tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000	9.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	227.000	43.206
-	Thuế thu nhập cá nhân do chi cục Thuế quản lý	-	-
-	Thuế thu nhập cá nhân do Thuế thành phố Hà Nội quản lý	91.980	-
-	Thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý Thu	135.020	43.206
8	Phí, lệ phí	6.000	207
-	<i>Cơ quan nhà nước thuộc Thành phố thực hiện</i>	5.793	-
-	<i>Khoản phí, lệ phí do phường quản lý, thực hiện thu</i>	207	207
9	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	59.502	59.502
-	Số thu 01 lần	-	-
-	Số thu trả tiền hàng năm khu vực DN có vốn ĐTNN	-	-
-	Số thu trả tiền hàng năm khu vực còn lại	59.502	59.502
10	Tiền sử dụng đất	489.800	160.940
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất giao cho cá nhân, hộ gia đình	-	-
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, doanh nghiệp	469.800	140.940
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	-	-
-	Thu tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT	-	-
-	Thu khác	20.000	20.000

11	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật	26.700	780
-	<i>Trong đó: Khoản thu khác do TW, TP quản lý thực hiện thu</i>	25.920	-
-	<i>Trong đó: Khoản thu khác do xã/phường quản lý thực hiện thu</i>	780	780
12	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		-
13	Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	648.367	305.840	342.527
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	513.008	269.840	243.168
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	181.351	66.500	114.851
2	Chi quốc phòng	2.920		2.920
3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	7.600		7.600
4	Chi y tế, dân số và gia đình	7.524		7.524
5	Chi sự nghiệp VH TT và du lịch	57.696	54.973	2.723
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	100		100
7	Chi thể dục thể thao	300		300
8	Chi bảo vệ môi trường	24.948		24.948
9	Chi các hoạt động kinh tế	136.075	125.875	10.200
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.221	500	40.721
11	Chi bảo đảm xã hội	12.405		12.405
12	Chi thường xuyên khác	140		140
13	Sự nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	11.255	8.500	2.755
14	Chi đầu tư khác (tiết kiệm 5%)	13.492	13492	
15	Chi dự phòng ngân sách	15.981		15.981
II	CHI MỤC TIÊU NS THÀNH PHỐ	135.359	36.000	99.359

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn 2026				Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng KHV cấp xã Phường	Trong đó			
								Từ nguồn NSTP hỗ trợ	Từ nguồn theo phân cấp	Từ nguồn thu sử dụng đất	
TỔNG CỘNG				707.597	249.804	113.656	305.840	36.000	108.900	160.940	
A	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành, nhiệm vụ quy hoạch theo cơ chế giải ngân linh hoạt						5.000			5.000	
+	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư</i>						4.000			4.000	
+	<i>Dự án quyết toán hoàn thành</i>						1.000			1.000	
B	Bố trí vốn chi tiết cho Dự án cấp xã phường			707.597	249.804	113.656	300.840	36.000	108.900	155.940	
I	Tiết kiệm 5% theo quy định tại Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc						13.492		5.545	7.947	
II	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp			707.597	249.804	113.656	180.715	36.000	99.855	44.860	
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông			384.062	179.811	52.861	66.313		60.916	5.397	
1	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn, phường Phú Diễn A	2019-2024	Số 2196/QĐ-UBND '31/5/2016;	14.261	9.300	0	395		395		Bố trí vốn quyết toán dự án
2	Xây dựng bãi lưu trữ phương tiện giao thông vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm trật tự cho công an quận Bắc Từ Liêm	2018-2022	7300/QĐ-UBND '06/10/2017;	14.982	700	0	282		282		
3	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Công Chất đến công trường mầm non Phú Diễn	2021-2026	4890/QĐ-UBND, '6/12/2021; Số 837/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	54.797	1.650	0	1.000		1.000		
4	Xây dựng đường giao thông kết hợp cống thoát nước tuyến đường TDP 1, 2 phường Phúc Diễn	2022-2026	17/NQ-HĐND ngày 24/9/2021; Số 838/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	48.586	27.500	7.000	15.000		15.000		
5	Xây dựng tuyến đường phía Tây dự án Golmark City nối ra đường Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	2022-2026	1072/QĐ-UBND ngày 08/4/2024; Số 839/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	31.947	3.000	1.000	6.000		6.000		

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn 2026				Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng KHV cấp xã Phường	Trong đó			
								Từ nguồn NSTP hỗ trợ	Từ nguồn theo phân cấp	Từ nguồn thu sử dụng đất	
6	Cải tạo, mở rộng ngõ 193 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn	2022-2026	3118/QĐ-UBND ngày 04/10/2023; Số 840/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	43.287	23.600	10.000	15.466		10.069	5.397	
7	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Đức Diễn đi khu thiết chế công phường Phú Diễn	2022-2026	2862/QĐ-UBND, ngày 16/6/2022; Số 841/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	107.292	72.800	16.000	10.000		10.000		
8	Xây dựng tuyến đường giáp khu đất giá 2,55 ha phường Phúc Diễn	2023-2026	1442/QĐ-UBND ngày 03/6/2023; Số 842/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	29.030	20.000	7.000	3.000		3.000		
9	Xây dựng tuyến đường nối ngõ 193 Phú Diễn đến khu đất giá 2,55 ha phường Phúc Diễn	2022-2026	1321/QĐ-UBND ngày 15/5/2022; Số 846/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	12.836	13.200	4.200	500		500		
10	Xây dựng đoạn đường nối từ Khu tập thể Giáo dục quận UBND phường Cầu Giấy đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	2024-2026	3213/QĐ-UBND 29/11/2024 ; Số 843/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	4.323	2.700	2.500	100		100		
11	Xây dựng đoạn đường nối từ Trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	2024-2026	3214/QĐ-UBND 29/11/2024; Số 844/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	10.611	4.500	4.300	5.806		5.806		
12	Cải tạo hệ thống đường, vỉa hè, thoát nước ngõ 187 và các ngách, ngõ 217, ngách 217/1 Mai Dịch	2025-2026	335/QĐ-UBND 22/9/2025	5.496	369	369	4.500		4.500		
13	Cải tạo hệ thống đường, thoát nước ngõ 132, 144, ngách 144/24, 144/36 Mai Dịch, ngách 65/5, 65/53 phố Mai Dịch	2025-2026	1432/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	6.614	492	492	4.264		4.264		
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước										
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi										
+	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề			213.484	40.995	40.795	76.000		35.000	13.537	27.463

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn 2026				Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng KHV cấp xã Phường	Trong đó			
								Từ nguồn NSTP hỗ trợ	Từ nguồn theo phân cấp	Từ nguồn thu sử dụng đất	
1	Xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi	2025-2027	838/QĐ-UBND 22/4/2025	58.549	12.895	12.795	35.000	15.000		20.000	
2	Xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Khả Trạc	2024-2027	808/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	154.935	28.100	28.000	41.000	20.000	13.537	7.463	
+	<i>Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)</i>										
+	<i>Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư</i>										
				57.914	7.998	0	12.000		0	12.000	
1	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất khu 3ha, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2016-2026	Số 1502/QĐ-UBND '9/4/2018; 853/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	57.914	7.998	0	12.000			12.000	
+	<i>Lĩnh vực thể dục, thể thao</i>										
+	<i>Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích</i>										
				52.137	21.000	20.000	25.402		25.402	0	
1	Tu bổ, tôn tạo đình Đình quán, phường Phúc Diễn	2024-2026	4200/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	25.079	11.000	10.000	12.083		12.083		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đức Diễn, phường Phúc Diễn	2024-2026	701/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	27.058	10.000	10.000	13.319		13.319		
+	<i>Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn</i>										
				0	0	0	1.000	1.000	0	0	
1	Xây dựng nhà văn hoá tổ dân phố số 2 kết hợp cây xanh, phường Phúc Diễn						1.000	1.000			
+	<i>Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)</i>										
+	<i>Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình</i>										
IV	Dự nguồn phân bổ cho dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị										
							8.500		3.500	5.000	
V	Dự nguồn để phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án đầu tư công, dự án quy hoạch...										
				-	0	-	98.133		0	98.133	
V.1	Dự án đã được giao nhiệm vụ lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư (QĐ 3339/QĐ-UBND)										
							79.303			79.303	
1	<i>Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông</i>										
							36.232			36.232	
2	<i>Lĩnh vực HTKT</i>										
							1.000			1.000	
3	<i>Lĩnh vực di tích</i>										
							2.000			2.000	
4	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>										
							26.500			26.500	
5	<i>Lĩnh vực VHXXH</i>										
							13.571			13.571	
VI.2	Dự án mới (mới lập danh mục)										
							18.830		0	18.830	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng KHV cấp xã Phường	Trong đó		
								Từ nguồn NSTP hỗ trợ	Từ nguồn theo phân cấp	
1	Lĩnh vực HTKT giao thông						3.830		3.830	
2	Lĩnh vực HTKT đầu giá quyền sử dụng đất và TĐC						2.500		2.500	
3	Lĩnh vực VHXXH - Lĩnh vực giáo dục						4.000		4.000	
4	Trụ sở						2.500		2.500	
5	Kinh tế						1.000		1.000	
6	Nhà văn hóa						5.000		5.000	
7	Lĩnh vực khác						0		0	